

Số: 273-14/DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục**

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhận được Công văn số 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD, ngày 19/09/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2015. Thực hiện theo hướng dẫn của Công văn, Trường chúng tôi đã xây dựng Đề án Tuyển sinh đại học vào cao đẳng, áp dụng từ năm 2015 tại Trường.

Đề án đã được gửi kèm theo Công văn số 198-14/DSG-ĐT, ngày 15/10/2014 đến Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng đường công văn và thư điện tử trong lần thứ nhất.

Đề án Tuyển sinh của Trường đã được Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục xem xét, đóng góp ý kiến và đề nghị Trường chỉnh sửa một số nội dung (Trường lần lượt nhận được năm thư góp ý qua hộp thư điện tử).

Trường chúng tôi đã chỉnh sửa một số nội dung trong Đề án Tuyển sinh và bổ sung phần phụ lục đính kèm theo quy định. Đề án Tuyển sinh (bản hiệu chỉnh lần thứ sáu) được gửi kèm theo công văn này.

Nhà trường xin chân thành cảm ơn Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục đã hỗ trợ chúng tôi trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Đề án.

Kính trình xem xét và phê duyệt Đề án đính kèm.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Cục KT và KĐCLGD;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu Phòng Đào tạo;
- Lưu Phòng Hành chính – Quản trị.

HIỆU TRƯỞNG   
  
GS. TS. Đào Văn Lượng

Số: 273-14/DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014

## ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY TẬP TRUNG  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**Mã trường: DSG**

**(Bản gửi lần thứ sáu có chỉnh sửa một số nội dung)**

### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học;

Quyết định số 221/2005/QĐ-TTg ngày 09/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Xây dựng chương trình quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020;

Công văn số 2955/KTKĐCLGD ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh riêng vào đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Thông tư số 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11/03/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29/06/2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20/02/2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18/06/2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04/07/2013 và Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 12/VBHN-BGDĐT ngày 25/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2014;

Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT ngày 09/09/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng từ năm 2015;

Công văn số 4004/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 31/07/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh;

Công văn số 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 19/09/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung năm 2015.



## II. MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

### 1. Mục đích

- 1.1 Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- 1.2 Thực hiện kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển dần phương thức tuyển sinh chung sang phương thức tuyển sinh riêng theo tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học;
- 1.3 Đảm bảo chất lượng, phù hợp ngành nghề đào tạo, thực tiễn địa phương, nhu cầu nhân lực xã hội cần và đáp ứng mục tiêu của từng ngành đào tạo của Trường;
- 1.4 Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhận và phát huy quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công tác tuyển sinh. Chủ động trong công tác tuyển sinh cũng như tạo được nguồn tuyển cho nhà trường.
- 1.5 Giải quyết được vấn đề khó tuyển cho các ngành kỹ thuật công nghệ.

### 2. Nguyên tắc

- 2.1 Đảm bảo lộ trình đổi mới trong công tác tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
- 2.2 Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuân thủ theo các thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh.
- 2.3 Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.
- 2.4 Đảm bảo chất lượng tuyển đầu vào, mở rộng nguồn tuyển sinh, tuyển đủ chỉ tiêu đã xác định và phù hợp với điều kiện tuyển sinh thực tế hàng năm đối với từng ngành đào tạo.

## III. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

### 1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

- 1.1 Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định hàng năm trên cơ sở năng lực đào tạo thực tế của Trường.
- 1.2 Ngành tuyển sinh được xác định trên cơ sở các ngành đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đào tạo.

**Bảng III.1. Ngành tuyển và mã ngành**

<b>Ngành tuyển</b>	<b>Đại học</b>	<b>Cao đẳng</b>
Công nghệ thông tin	D480201	C480201
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	D510302	C510302
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D510203	C510203
Công nghệ thực phẩm	D540101	C540102
Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201	C510102
Quản trị kinh doanh	D340101	C340101
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D510301	C510301
Thiết kế công nghiệp	D210402	C210402

**2. Đối tượng tuyển sinh chung:**

2.1 Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được xét tuyển / thi tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề, ... Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được xét tuyển / thi tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

2.2 Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được xét tuyển / thi tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự;
- Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
- Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);
- Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi; cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

### 3. Phương thức tuyển sinh:

Trong năm 2015, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy với hai phương thức cụ thể như sau:

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thí sinh dự thi ở cụm thi do trường đại học chủ trì và đạt kết quả trên ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Phương thức 1 tuyển 75% chỉ tiêu và tuân theo phương thức chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập lớp cuối cấp THPT (Lớp 12 THPT) để xét tuyển thí sinh tham gia kỳ thi THPT quốc gia ở cụm thi do các Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì (cụm thi địa phương). Phương thức 2 tuyển 25% chỉ tiêu và được thực hiện theo đề án tuyển sinh riêng của trường được trình bày tại phần 3.2 dưới đây.

3.1 **Phương thức 1:** Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thí sinh dự thi ở cụm thi do trường đại học chủ trì và đạt kết quả trên ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Tổ hợp ba môn thi được sử dụng kết quả để xét tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo trên nguyên tắc sử dụng lại tổ hợp ba môn thi theo Khối A, A1, D, B, .... các năm tuyển sinh trước đây và bổ sung một số tổ hợp ba môn thi khác phù hợp với ngành tuyển.

**Bảng III.2.** Tổ hợp ba môn thi được sử dụng kết quả để xét tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo đại học (ĐH) và cao đẳng (CĐ)

Ngành tuyển	Bậc xét	Tổ hợp ba môn xét tuyển
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ thông tin	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ thực phẩm	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
		Toán - Hóa học - Sinh học

Quản trị kinh doanh	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Kỹ thuật công trình xây dựng	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Thiết kế công nghiệp (1*)	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Ngoại ngữ - Ngữ Văn - Năng khiếu (2*)

(1\*) Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4004/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 31/07/2014 và Công văn 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 19/09/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường tiếp tục giữ các môn thuộc khối thi truyền thống (A, A1, D, H và V) mà Trường đã sử dụng để xét tuyển vào ngành Thiết kế Công nghiệp trong các năm 2014 trở về trước để tránh ảnh hưởng đến thí sinh. Cùng lúc, nhà trường thông báo việc sẽ chuyển sang xét các tổ hợp ba môn có môn năng khiếu vào ngành Thiết kế Công nghiệp để ba năm sau Trường bắt đầu thực hiện.

(2\*) Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn. Cụ thể các môn: *Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ....*

(a) Tiêu chí xét tuyển cho từng bậc, ngành học và công thức:

+ Đối tượng xét tuyển của phương thức này:

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh có tham dự kỳ thi THPT quốc gia năm 2015 do các trường đại học chủ trì;
- Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước 2015, có thể tham gia kỳ thi THPT quốc gia năm 2015 do các trường đại học chủ trì để lấy điểm xét tuyển. Hoặc, sử dụng kết quả học tập lớp cuối cấp THPT (Lớp 12 THPT) để xét tuyển theo Phương thức 2.

+ Công thức tính điểm xét tuyển:

$$M_{XT} = (M_1 + M_2 + M_3) + M_{UT\_KV} + M_{UT\_ĐT}$$

+ Trong đó:

- $M_{XT}$ : Điểm tổng dùng để xét tuyển;
- $M_1$ ;  $M_2$  và  $M_3$ : Lần lượt là điểm từng môn thi trong tổ hợp ba môn thi được sử dụng kết quả để xét tuyển, môn thi này được xác định theo từng ngành đào tạo đại học (ĐH) và cao đẳng (CĐ);
- $M_{UT\_KV}$  và  $M_{UT\_ĐT}$ : Điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng được xác định theo đúng quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Cách thức xét tuyển:

- Xét tuyển 75% tổng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng ngành đào tạo;

- $M_1$ ;  $M_2$  và  $M_3$  phải lớn hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;
- Xét điểm  $M_{XT}$  theo tiêu chí từ điểm cao xuống điểm thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu;

- (b) Lịch tuyển sinh của Trường:
- + Thực hiện theo lịch chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
  - + Thời gian xét tuyển kết thúc vào ngày 31/10 đối với đại học và 15/11 đối với cao đẳng.
- (c) Phương thức đăng ký của thí sinh:
- + Hồ sơ xét tuyển được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.
  - + Địa chỉ: Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (Số: 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: +84 – 38.505520)
  - + Hồ sơ xét tuyển chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định
- (d) Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Áp dụng các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hàng năm.
- (e) Lệ phí tuyển sinh: Thu lệ phí xét tuyển theo quy định hiện hành.

3.2 **Phương thức 2:** Sử dụng kết quả học tập lớp cuối cấp THPT (Lớp 12 THPT để xét tuyển). Tổ hợp ba môn học được sử dụng kết quả để xét tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo.

**Bảng III.3.** Tổ hợp ba môn học được sử dụng kết quả để xét tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo đại học (ĐH) và cao đẳng (CĐ)

Ngành tuyển	Bậc xét	Tổ hợp ba môn xét tuyển
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ thông tin	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Công nghệ thực phẩm	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học

		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
		Toán - Hóa học - Sinh học
Quản trị kinh doanh	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Kỹ thuật công trình xây dựng	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Toán - Ngoại ngữ - Hóa học
Thiết kế công nghiệp	ĐH & CĐ	Toán - Vật lý - Hóa học
		Toán - Ngoại ngữ - Vật lý
		Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ
		Ngoại ngữ - Ngữ Văn - Năng khiếu (3*)

(3\*) Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, Vẽ trang trí, Vẽ hình họa, ...) tại các Trường Đại học có tổ chức thi môn năng khiếu để xét tuyển vào Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(a) Tiêu chí xét tuyển cho từng bậc, ngành học và công thức:

- + Đối tượng xét tuyển của phương thức này: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) sử dụng kết quả học tập lớp cuối cấp THPT (Lớp 12 THPT) để xét tuyển.
- + Công thức tính điểm xét tuyển:

$$M_{XT} = M_{TBTN} + (M_{TB1} + M_{TB2} + M_{TB3}) + M_{UT\_KV} + M_{UT\_DT}$$

+ Trong đó:

- $M_{XT}$ : Điểm tổng dùng để xét tuyển;
- $M_{TBTN}$ : Điểm trung bình chung bốn môn của kỳ thi THPT quốc gia;
- $M_{TB1}$ ;  $M_{TB2}$  và  $M_{TB3}$ : Lần lượt là điểm trung bình cả năm Lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp ba môn được sử dụng kết quả để xét tuyển. Điều kiện:

$$\frac{(M_{TB1} + M_{TB2} + M_{TB3})}{3} \geq 6,0 \text{ điểm đối với Đại học}$$

$$\frac{(M_{TB1} + M_{TB2} + M_{TB3})}{3} \geq 5,5 \text{ điểm đối với Cao đẳng}$$

- $M_{UT\_KV}$  và  $M_{UT\_DT}$ : Điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Cách thức xét tuyển:
  - Xét tuyển tối đa 25% tổng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng ngành đào tạo;



- Xét điểm  $M_{XT}$  theo tiêu chí từ điểm cao xuống điểm thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu;
  - Trong trường hợp  $M_{XT}$  bằng nhau, lần lượt ưu tiên theo thứ tự (1) ( $M_{TB1} + M_{TB2} + M_{TB3}$ ) và (2)  $M_{TBCN}$
- (b) Lịch tuyển sinh của Trường:
- + Nhận hồ sơ xét tuyển ngay sau khi có kết quả kỳ thi THPT quốc gia cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Dự kiến nhận hồ sơ từ Tháng 07 – 08/2015 (*Trường sẽ thông báo lịch cụ thể ngay khi lịch công tác tuyển sinh chung của cả nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố*).
  - + Chia làm nhiều đợt tuyển. Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển và thời hạn làm thủ tục trúng tuyển nhập học cho từng đợt cụ thể.
  - + Thời gian xét tuyển kết thúc vào ngày 31/10 đối với đại học và 15/11 đối với cao đẳng.
- (c) Phương thức đăng ký của thí sinh:
- + Hồ sơ xét tuyển được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.
  - + Địa chỉ: Văn phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (Số: 180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: +84 – 38.505520)
  - + Hồ sơ xét tuyển gồm có:
    - Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (có thể download từ website trường);
    - Bản sao có chứng thực: Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT, hoặc Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2015 có ghi rõ điểm từng môn thi xét tuyển;
    - Giấy chứng nhận ưu tiên khu vực và đối tượng trong tuyển sinh (nếu có);
    - Hai bì thư có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận.
- (d) Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Áp dụng các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hàng năm.
- (e) Lệ phí tuyển sinh: Thu lệ phí xét tuyển theo quy định hiện hành.

#### 4. Phân tích ưu điểm và nhược điểm của phương án:

- 4.1 Sự phù hợp của phương thức tuyển sinh với đặc thù các ngành đào tạo của trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành

- Các ngành đào tạo tuyển sinh theo các tổ hợp môn thi được đề cập ở trên là hoàn toàn hợp lý, đánh giá được năng lực của thí sinh, đáp ứng được yêu cầu tuyển sinh;
  - Các môn học này đều được tổ chức giảng dạy ở cấp học THPT nên phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;
  - Đối với hình thức xét kết quả kỳ thi THPT quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho những thí sinh cố gắng tập trung cho kỳ thi;
  - Kỳ thi THPT quốc gia với sự tham gia tổ chức của các Sở Giáo dục, các Trường đại học, ... được đánh giá khách quan nên kết quả đáng tin cậy.
- 4.2 Các yếu tố đảm bảo chất lượng, sự công bằng của phương thức tuyển sinh đề xuất:
- Công tác thanh tra quá trình xét tuyển, gọi trúng tuyển nhập học, ... do Ban Thanh tra Giáo dục của Trường tiến hành một cách độc lập, giám sát toàn bộ quá trình tuyển sinh, đảm bảo công bằng cho thí sinh tham gia xét tuyển theo phương án đã xây dựng;
  - Quá trình thu nhận hồ sơ, nhập liệu, xử lý dữ liệu của Ban Thư ký Văn phòng Tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, kiểm tra đối chiếu với bản chính học bạ và với bộ dữ liệu kết quả kỳ thi THPT quốc gia do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục cung cấp cho các Trường;
  - Phương án tuyển sinh và quy trình thực hiện được thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng, ... hết sức rõ ràng và minh bạch.
  - Trong quá trình thực hiện, nhà trường xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về xét tuyển và có hình thức khen thưởng đối với những cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc quy định xét tuyển hoặc phát hiện các hiện tượng, các trường hợp tiêu cực.
- 4.3 Những thuận lợi, khó khăn của phương thức xét tuyển riêng:
- (a) Thuận lợi:
- Phương thức tuyển sinh hướng đến cả quá trình học tập của học sinh ở bậc THPT giúp định hướng người học về ngành nghề, ý thức và thái độ học tập;
  - Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập tích lũy trong cấp học THPT giúp hạn chế được rủi ro trong các kỳ thi tuyển sinh, tiết kiệm chi phí của thí sinh trong các kỳ thi tuyển sinh tập trung.
  - Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia tạo điều kiện cho những thí sinh có sự nỗ lực trong việc ôn tập đáp ứng kỳ thi và có khả năng tổng hợp kiến thức cao.

- Phù hợp với xu hướng phát triển của các trường đại học ở các nước phát triển trên thế giới.
- (b) Khó khăn:
  - Công tác tuyên truyền, thông tin để thí sinh hiểu rõ về các phương thức tuyển sinh riêng, quy trình xét tuyển cũng như các thông báo liên quan.
  - Một số tình huống trong quá trình xét tuyển chưa được dự báo hết.

## 5. Điều kiện thực hiện của phương án:

### 5.1 Điều kiện về đội ngũ:

- Giảng viên cơ hữu hơn 50% có trình độ sau đại học, gồm 2 giáo sư, 3 phó giáo sư, 25 tiến sĩ, 120 thạc sĩ và 132 kỹ sư/cử nhân.
- Ngoài ra, trường còn mời thỉnh giảng 377 giảng viên đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu ... và các doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

### 5.2 Điều kiện về cơ sở vật chất:

**Bảng III.4.** Một số hạng mục xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo

Hạng mục	Diện tích sàn
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	10.236 m <sup>2</sup>
Thư viện, trung tâm học liệu	528 m <sup>2</sup>
Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	7.923 m <sup>2</sup>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>20.487 m<sup>2</sup></b>

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Nội dung công việc cần thực hiện trong quy trình tổ chức xét tuyển tương ứng với phương thức tuyển sinh đề xuất:

- 1.1 Công tác nhân sự: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, Hiệu trưởng ra các quyết định thành lập:
- Hội đồng Tuyển sinh (HĐTS):
    - + Hiệu trưởng làm Chủ tịch HĐTS;
    - + Phó Hiệu trưởng làm Phó Chủ tịch HĐTS;
    - + Trưởng/Phó Phòng Đào tạo làm Ủy viên Thường trực HĐTS;
    - + Trưởng các Khoa/Ban chuyên môn làm Ủy viên HĐTS.
  - Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh:
    - + Trưởng/Phó Phòng Đào tạo - Ủy viên Thường trực HĐTS làm Trưởng ban Thư ký;

+ Chuyên viên Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Quản trị, ... làm Ủy viên

- Ban Hậu cần chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm dùng trong tuyển sinh;
- Ban Tuyên truyền tuyển sinh;
- Ban Thanh tra Tuyển sinh.

#### 1.2 Công tác chuẩn bị:

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh chi tiết.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và vật tư để tổ chức xét tuyển.
- Thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên phương tiện thông tin đại chúng về phương án xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia và phương án xét tuyển riêng dựa vào học bạ Lớp 12 THPT của thí sinh.

#### 1.3 Công tác xét tuyển:

- Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh phân công các Ban Thư ký, Ban Hậu cần và Ban Tuyên truyền tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình trong công tác tuyển sinh.
- Ban Thư ký thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, nhập liệu, tổng hợp số liệu, thống kê về thí sinh tham gia xét tuyển. Báo cáo Hội đồng tuyển sinh để tổ chức xét tuyển trúng tuyển theo đúng lịch trình đề ra và công bố kết quả xét tuyển cho thí sinh.
- Ban Hậu cần có trách nhiệm chuẩn bị các trang thiết bị phục vụ cho quá trình thu nhận hồ sơ và xét tuyển.
- Ban Tuyên truyền tuyển sinh làm nhiệm vụ thông tin, quảng bá hình ảnh của nhà trường, ... cung cấp thông tin tuyển sinh nhằm thu hút sự quan tâm của thí sinh trong xét tuyển.

## 2. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác tuyển sinh:

- 2.1 Trường thành lập Ban Thanh tra tuyển sinh, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thanh tra;
- 2.2 Ban Thanh tra tuyển sinh của trường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác xét tuyển; kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo đúng quy định.

**3. Công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan:**

3.1 Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh:

- + Ban Thanh tra tuyển sinh.
- + Hội đồng tuyển sinh.
- + Hộp thư góp ý của nhà trường.

3.2 Cá nhân và tổ chức tố cáo những hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và phải được xác minh về tính chính xác của thông tin tố cáo.

3.3 Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo với Hội đồng tuyển sinh để có biện pháp xử lý thích hợp.

**4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh theo quy định:**

4.1 Phối hợp với các Báo, Đài và các đơn vị truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh và trên toàn quốc nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho thí sinh.

4.2 Trường thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời trong từng giai đoạn triển khai nội dung đề án tuyển sinh 2015.

4.3 Kết thúc kỳ tuyển sinh, thực hiện chế độ báo cáo thông tin về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục và Cơ quan địa phương theo quy định hiện hành.

**V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CAM KẾT CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**1. Lộ trình thực hiện:**

1.1 Kể từ năm tuyển sinh 2015, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thực hiện thí điểm, rút kinh nghiệm, điều chỉnh và cập nhật các vấn đề tuyển sinh nhằm tiến đến tự chủ hoàn toàn trong tuyển sinh.

1.2 Hướng đến năm học 2016 – 2017, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xin được thực hiện tuyển sinh riêng cho tất cả các ngành, tự chủ hoàn toàn về nguồn tuyển và thời gian tuyển sinh.

**2. Cam kết:**

2.1 Tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh, dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 2.2 Thực hiện nghiêm túc, an toàn và đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.
- 2.3 Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan.
- 2.4 Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của trường trên công thông tin điện tử của trường, cổng thông tin điện tử phục vụ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên các kênh thông tin truyền thông, để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.
- 2.5 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời theo đúng quy định.
- 2.6 Xử lý nghiêm, đúng quy định của pháp luật các hành vi tiêu cực, vi phạm quy chế tuyển sinh.

#### VI. PHỤ LỤC CỦA ĐỀ ÁN:

- 1.1 Bảng thông tin tuyển sinh năm 2015 được xây dựng căn cứ vào quy định tại Công văn 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 19/09/2014.
- 1.2 Kết quả tuyển sinh của Trường trong 5 năm qua;
- 1.3 Các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường;
- 1.4 Danh mục các nguồn lực (cơ sở vật chất và đội ngũ) để thực hiện đề án;

**Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn kính trình đề án tuyển sinh cho năm 2015 và lộ trình tuyển sinh cho các năm tiếp theo.**

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Cục KT và KĐCLGD;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu Phòng Đào tạo;
- Lưu Phòng Hành chính – Quản trị.

HIỆU TRƯỞNG 



**GS. TS. Đào Văn Lượng**



**Phụ lục 1: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú (Bổ sung thông tin)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN</b>	<b>DSG</b>			<b>3000</b>	<b>Phương thức tuyển sinh:</b>
Số 180, Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08					(1) Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia;
Điện thoại: (08) 8505520					(2) Sử dụng học bạ cấp học THPT xét tuyển.
Website: www.stu.edu.vn					
<b>Các ngành đào tạo đại học:</b>				<b>2400</b>	<b>Vùng tuyển:</b>
<b>Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử</b>		D510203	Toán - Vật lý - Hóa học		Tuyển sinh trong cả nước
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		<b>(* Môn Năng khiếu:</b>
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		<i>Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi</i>
<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b>		D510301	Toán - Vật lý - Hóa học		<i>môn năng khiếu (Vẽ mỹ thuật, trang trí)</i>
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		<i>tại các trường đại học có tổ chức thi để</i>
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		<i>xét tuyển</i>
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông</b>		D510302	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ thông tin</b>		D480201	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ thực phẩm</b>		D540101	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Hóa học - Sinh học		
<b>Quản trị kinh doanh</b>		D340101	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		

**Phụ lục 1: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi đùng để xét tuyển	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú (Bổ sung thông tin)
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Kỹ thuật công trình xây dựng</b>		D580201	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Thiết kế công nghiệp</b>		D210402	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Ngoại ngữ - Ngữ Văn - Năng khiếu (*)		
<b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>				<b>600</b>	
<b>Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử</b>		C510203	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b>		C510301	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông</b>		C510302	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ thông tin</b>		C480201	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Công nghệ thực phẩm</b>		C540102	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		




**Phụ lục 1: THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú (Bổ sung thông tin)
			Toán - Hóa học - Sinh học		
<b>Quản trị kinh doanh</b>		C340101	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Kỹ thuật công trình xây dựng</b>		C510102	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Toán - Ngoại ngữ - Hóa học		
<b>Thiết kế công nghiệp</b>		C210402	Toán - Vật lý - Hóa học		
			Toán - Ngoại ngữ - Vật lý		
			Toán - Ngữ Văn - Ngoại ngữ		
			Ngoại ngữ - Ngữ Văn - Năng khiếu (*)		

NGƯỜI LẬP BIỂU  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
Điện thoại liên hệ: 0904.171142



THS. Lê Thị Ngọc Phượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014  
HIỆU TRƯỞNG 



GS. TS. Đào Văn Lượng



**Phụ lục 2: KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG TRONG 5 NĂM GẦN NHẤT (2010 - 2014)**

(Số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học năm học thứ nhất từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015)

STT	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Năm tuyển sinh					Tổng cộng
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2010	
1	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	C510203	16	30	28	36	22	132
2	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	C510301	15	14	37	25	17	108
3	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	C510302	7	27	34	29	52	149
4	Công nghệ Thông tin	C480201	60	63	179	117	121	540
5	Công nghệ Thực phẩm	C540102	42	63	91	119	115	430
6	Quản trị Kinh doanh	C340101	129	34	511	532	569	1,775
7	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	C510102	25	165	163	175	188	716
8	Thiết kế Công nghiệp	C210402		18	53	63	42	176
9	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	D510203	64	94	14	16	9	197
10	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	D510301	63	62	13	7	11	156
11	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	D510302	45	66	14	9	20	154
12	Công nghệ Thông tin	D480201	250	224	100	43	60	677
13	Công nghệ Thực phẩm	D540101	252	260	64	70	62	708
14	Quản trị Kinh doanh	D340101	551	128	269	241	278	1,467
15	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	D580201	100	446	92	44	110	792
16	Thiết kế Công nghiệp	D210402	154	172	230	198	226	980
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,773</b>	<b>1,866</b>	<b>1,892</b>	<b>1,724</b>	<b>1,902</b>	<b>9,157</b>
	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm</b>		<b>2,300</b>	<b>1,800</b>	<b>1,800</b>	<b>1,700</b>	<b>1,700</b>	<b>9,300</b>
	<b>Phần trăm</b>		<b>77.09</b>	<b>103.67</b>	<b>105.11</b>	<b>101.41</b>	<b>111.88</b>	<b>98.46</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014



GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

**Phụ lục 3: NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG**

STT	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Chuyên ngành đào tạo
1	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	C510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
2	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	C510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử
3	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	C510302	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông
4	Công nghệ Thông tin	C480201	Công nghệ Thông tin
5	Công nghệ Thực phẩm	C540102	Công nghệ Thực phẩm
6	Quản trị Kinh doanh	C340101	Quản trị Kinh doanh - Tổng hợp
			Quản trị Kinh doanh - Kế toán
7	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	C510102	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
8	Thiết kế Công nghiệp	C210402	Tạo dáng công nghiệp
			Thiết kế Thời trang
			Thiết kế Đồ họa
			Trang trí Nội thất
9	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	D510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
10	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	D510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử
11	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông	D510302	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông
12	Công nghệ Thông tin	D480201	Công nghệ Thông tin
13	Công nghệ Thực phẩm	D540101	Công nghệ Thực phẩm
14	Quản trị Kinh doanh	D340101	Quản trị Kinh doanh - Tổng hợp
			Quản trị Kinh doanh - Quản trị Tài chính
			Quản trị Kinh doanh - Quản trị Marketing
15	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	D580201	Xây dựng Dân dụng – Công nghiệp
16	Thiết kế Công nghiệp	D210402	Tạo dáng công nghiệp
			Thiết kế Thời trang
			Thiết kế Đồ họa
			Trang trí Nội thất

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN.**

Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 của Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học dân lập Công nghệ Sài Gòn.

Quyết định số 122/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục.

Địa chỉ trụ sở chính: 180 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, Tp HCM.

BK 704870

**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:****1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 521 Tờ bản đồ số: 2  
 b) Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, Tp.HCM.  
 c) Diện tích: 19.950 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Mười chín ngàn chín trăm năm mươi mét vuông)  
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 19.950 m<sup>2</sup>, chung: không m<sup>2</sup>.  
 e) Mục đích sử dụng đất: Xây dựng trường.  
 f) Thời hạn sử dụng đất: Ổn định lâu dài.  
 g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.  
 Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 16/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Nhà ở: -/-****3. Công trình xây dựng khác:**

Tên công trình: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Kết cấu chủ yếu	Cấp CT	Số tầng	Ni HT dự
1) Khối hành chính, thư viện	1.400,6	5.429,3	Tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.	-/-	4	-
2) Khối thí nghiệm	684,0	3.078,0	Tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.	-/-	5	-
3) Khối phòng học	1.344,6	10.855,3	Tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.	-/-	9	-

Thời hạn sở hữu: -/-

**4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-****5. Cây lâu năm: -/-****6. Ghi chú:**

- Giấy chứng nhận này được cấp do cấp đổi và bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản theo hồ sơ: 000747, thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00087/1aQSDĐ/3126/UB ngày 26/3/2000 Ủy ban nhân dân thành phố cấp, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 01/2007/CQSHCTXD ngày 31/1/2007 và số 124/2009/GCN-QSHCTXD ngày 02/7/2009 cùng do Ủy ban nhân dân thành phố cấp, Giấy phép xây dựng số 22/GPXD ngày 27/1/2010 do Sở Xây dựng cấp, Biên kiểm tra hoàn thành công trình xây dựng do Chi nhánh công ty cổ phần Hồng Hà Dầu khí, Công ty TNHH Quy hoạch Kiến trúc S.P.A, Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Phát triển Kiến trúc Đ và Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cùng lập ngày 30/12/2010.

- Lộ giới đường Cao Lỗ: 30,0m
- Đường giáp hướng Bắc khu đất có lộ giới 16,0m
- Đường giáp hướng Nam khu đất có lộ giới 20,0m
- Đường giáp hướng Đông khu đất có lộ giới 20,0m

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2011  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH  
 TUO CHỦ TỊCH

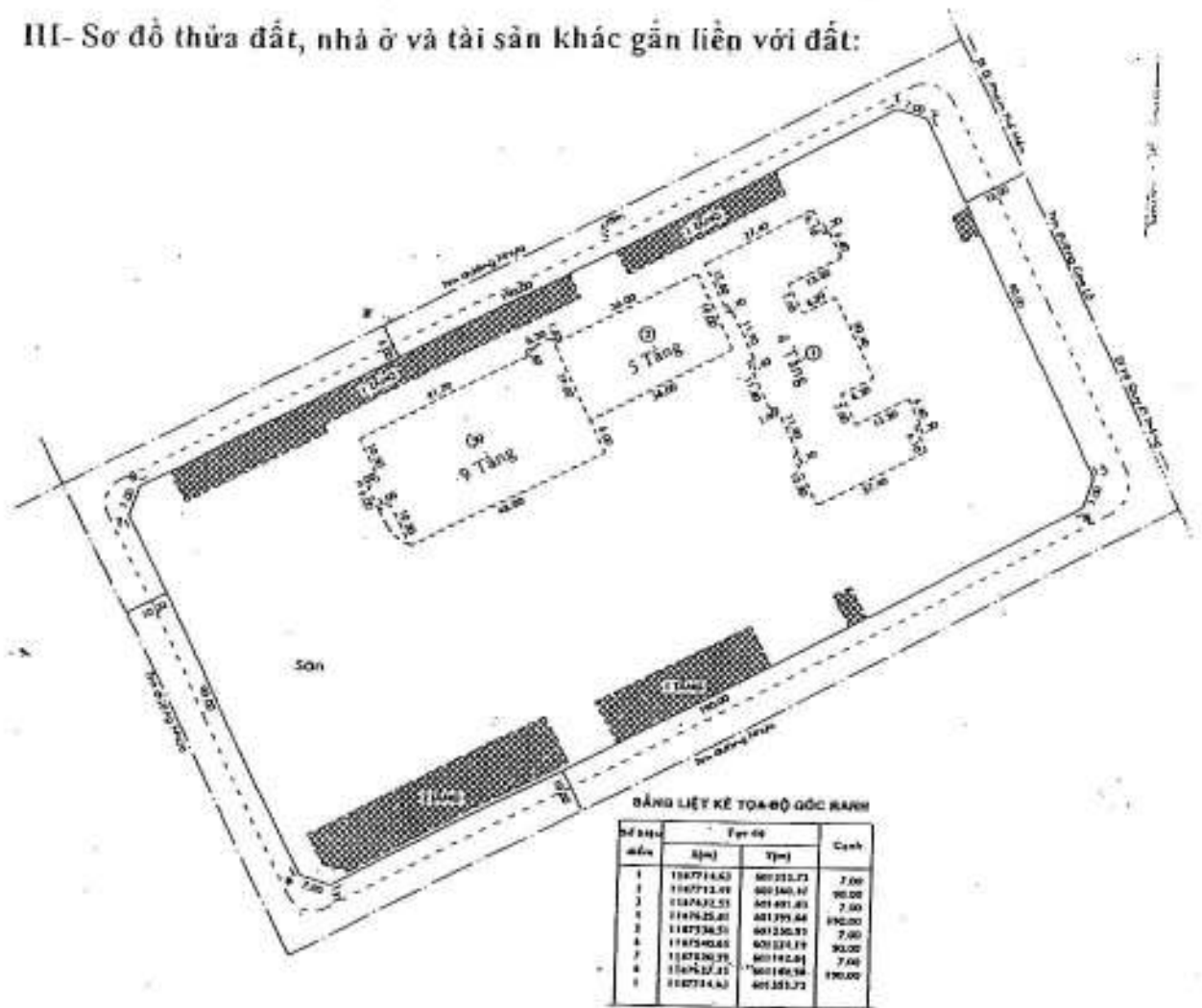
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT 16804

Đào Anh Kiệt

III- Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:



▣ Công trình không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình.

Phần chi tiết xem Bản đồ hiện trạng vị trí số 12029/GĐ-ĐCND ngày 26/9/2000  
Số Địa chính-Nhà đất và Bản vẽ sơ đồ hiện trạng công trình xây dựng do Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Đo đạc Bản đồ Thiết kế Xây dựng Hoàng Minh lập ngày 27/9/2012.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Kèm theo GCN này có Trang bổ sung số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



79 27469 12 036609

## TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 521

Tờ bản đồ số: 2

Số phát hành GCN: BK 704870

Số vào sổ cấp GCN: CT 16804



<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>01-11-2012 Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền T.L. GIAM ĐỐC KÌ TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ TRƯỜNG PHÒNG</p>
<p>Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Quân Đội-Chí nhánh Sài Gòn, địa chỉ: Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, Tp.HCM theo hồ sơ số 001826 ngày 19/3/2010, hồ sơ số 001914 và số 001915 ngày 01/4/2010 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố vẫn còn hiệu lực, chưa xóa thẻ chấp.</p>	<p style="text-align: right;"><i>Quốc Minh</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mỗi có giá trị pháp lý



**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
1	Trương Quang Múi	1944	GVC	TS	Cơ khí, Cơ điện tử, Bảo dưỡng		X	CDT
2	Lê Minh Ngọc	11/10/1941	GVC	TS	Cơ khí, Cơ điện tử, Bảo dưỡng		X	CDT
3	Nguyễn Quốc Cường	25/12/1952	GVC	TS	Kỹ thuật		X	CDT
4	Lê Thanh Danh	12/01/1978	GV	TS	Kỹ thuật		X	CDT
5	Hồ Triết Hưng	13/02/1980	GV	TS	Cơ khí		X	CDT
6	Huỳnh Phan Tùng	18/10/1946	GVC	THS	Kỹ thuật		X	CDT
7	Phạm Văn Thắng	09/06/1978	GV	THS	Kỹ thuật		X	CDT
8	Đặng Ngọc Toàn	28/01/1972	GV	THS	Tự động hóa		X	CDT
9	Lê Nguyễn Trinh	10/03/1978	GV	THS	Kỹ thuật		X	CDT
10	Nguyễn Ngọc Huy Cường	21/12/1978	GV	DH	Cơ - Điện tử		X	CDT
11	Vũ Đình Hải	01/01/1977	GV	DH	Kỹ thuật công nghiệp		X	CDT
12	Hồ Hữu Hân	14/11/1978	GV	DH	Cơ - Điện tử		X	CDT
13	Nguyễn Thanh Hùng	27/12/1987	GV	DH	Cơ - Điện tử		X	CDT
14	Trần Trung Lê	20/10/1981	GV	DH	Cơ - Điện tử		X	CDT
15	Lê Tấn Tín	28/01/1989	GV	DH	Điện - Điện tử		X	CDT
16	Phạm Tuấn Khanh	02/02/1955	TG	DH	Vỏ tàu thủy		X	CDT
17	Trần Mai Anh	30/01/1981	TG	DH	Cơ giới hóa xếp dỡ		X	CDT
18	Lưu Duẩn	03/03/1938	GS	TSKH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
19	Đào Văn Lượng	1945	GS	TS	Công nghệ Hóa học	X	X	CNTP
20	Hoàng Kim Anh	11/09/1972	GV	TS	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
21	Trần Quang Hiếu	01/01/1978	GV	TS	Hóa học	X	X	CNTP

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỐI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
22	Phạm Kim Phương	22/02/1952	GV	TS	Hóa học	X	X	CNTP
23	Lưu Mai Hương	08/01/1970	GV	THS	Kỹ thuật thực phẩm		X	CNTP
24	Trần Văn Dũng	21/10/1969	GV	THS	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
25	Nguyễn Minh Hải	27/09/1977	GV	THS	Hóa sinh		X	CNTP
26	Trần Ngọc Hiếu	14/04/1979	GV	THS	Vi sinh vật học		X	CNTP
27	Hoàng Thị Khánh Hồng	06/08/1982	GV	THS	Vi sinh vật		X	CNTP
28	Trương Thị Mỹ Linh	19/07/1972	GV	THS	Kỹ thuật		X	CNTP
29	Trần Đình Nam	14/03/1981	GV	THS	Sinh thái học		X	CNTP
30	Vũ Thuận Nghi	13/08/1987	GV	THS	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
31	Trương Nguyễn Như Quỳnh	04/07/1984	GV	THS	Công nghệ sinh học	X	X	CNTP
32	Trần Trọng Vũ	17/10/1981	GV	THS	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm		X	CNTP
33	Tạ Lê Quốc An	22/02/1985	GV	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
34	Nguyễn Văn Hải	16/04/1984	GV	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
35	Nguyễn Nhã Uyên	15/02/1971	GV	DH	Kỹ thuật hóa học và thực phẩm		X	CNTP
36	Nguyễn Ngọc Minh Châu	21/11/1986	GV	DH	Nghệ thuật		X	CNTP
37	Đinh Thị Phương Thanh	09/11/1984	TG	DH	Kỹ thuật môi trường		X	CNTP
38	Nguyễn Quỳnh Dao	16/10/1985	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
39	Nguyễn Phương Tuyền	02/03/1982	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
40	Đoàn Nguyễn Thủy Quỳnh	17/04/1988	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
41	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	02/06/1985	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
42	Nguyễn Thanh Thảo	04/08/1987	TG	DH	Công nghệ thực phẩm	X	X	CNTP

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
43	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/08/1984	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
44	Vũ Hùng Tuấn	01/01/1970	TG	DH	Công nghệ hợp chất cao phân tử	X	X	CNTP
45	Nguyễn Thị Diễm Ngân	26/08/1989	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
46	Hà Minh Tuấn	28/06/1983	TG	DH	Công nghệ thực phẩm		X	CNTP
47	Nguyễn Thanh Thảo	04/08/1987	TG	DH	Công nghệ thực phẩm	X	X	CNTP
48	Tăng Văn Tơ	25/11/1954	GV	TS	Kỹ thuật - Công nghệ Thông tin		X	CNTT
49	Nguyễn Kiều Oanh	30/04/1974	GV	THS	Khoa học		X	CNTT
50	Bùi Nhật Bằng	10/06/1983	GV	THS	Khoa học máy tính		X	CNTT
51	Lê Thị Mỹ Dung	29/01/1984	GV	THS	Tin học		X	CNTT
52	Nguyễn Thái Hòa	24/09/1971	GV	THS	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
53	Trần Văn Hùng	26/01/1970	GV	THS	Tin học		X	CNTT
54	Hồ Đình Khả	25/03/1968	GV	THS	Cơ khí, CNTT		X	CNTT
55	Đinh Thị Tâm	29/12/1980	GV	THS	Toán - Tin học		X	CNTT
56	Hoàng Minh Thắng	28/12/1988	GV	THS	Kỹ thuật điện tử và máy tính		X	CNTT
57	Nguyễn Trần Phúc Thịnh	01/01/1984	GV	THS	Toán tin		X	CNTT
58	Nguyễn Lạc An Thư	21/10/1980	GV	THS	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
59	Nguyễn Thanh Tùng	04/12/1967	GV	THS	Sư phạm Toán	X	X	CNTT
60	Lâm Hoàng Việt	15/08/1987	GV	THS	Kỹ thuật thông tin và Truyền thông		X	CNTT
61	Hà Anh Vũ	11/03/1981	GV	THS	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
62	Ngô Xuân Bách	25/01/1975	GV	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
63	Lê Triệu Ngọc Đức	22/02/1981	GV	DH	Tin học		X	CNTT

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
64	Nguyễn Hoàng Khánh	18/08/1982	GV	DH	Tin học		X	CNTT
65	Nguyễn Trọng Nghĩa	18/06/1982	GV	DH	Tin học		X	CNTT
66	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/12/1978	GV	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
67	Trần Thị Như ý	14/01/1979	GV	DH	Điện tử viễn thông		X	CNTT
68	Nguyễn Châu Mỹ Vân	20/12/1982	TG	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
69	Nguyễn Ngọc Anh	26/02/1982	TG	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
70	Nguyễn Thị Thanh Huyền	31/07/1987	TG	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
71	Bùi Văn Hồ	12/05/1989	TG	DH	Công nghệ thông tin	X	X	CNTT
72	Ngô Trần Trúc Chi	03/04/1981	TG	DH	Tin học		X	CNTT
73	Ngô Lệ Thu	02/12/1987	TG	DH	Tin học		X	CNTT
74	Nguyễn Thị Minh Trúc	20/02/1981	TG	DH	Tin học		X	CNTT
75	Phan Thị Thanh Tuyền	31/01/1989	TG	DH	Công nghệ thông tin		X	CNTT
76	Trần Thị Hoàng Văn	09/02/1984	TG	DH	Tin học		X	CNTT
77	Phương Minh Trung	23/08/1985	TG	DH	Toán Tin học		X	CNTT
78	Nguyễn Quân	1936	PGS	TS	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
79	Lê Hiệp Tuyền	15/09/1950	GVC	TS	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
80	Lê Phước Lâm	27/07/1967	GV	THS	Kỹ thuật		X	DDT và DTVT
81	Võ Xuân Thịnh	27/02/1977	GV	THS	Kỹ thuật		X	DDT và DTVT
82	Đỗ Quang Đạo	05/03/1980	GV	THS	Điện khí hóa và Cung cấp điện		X	DDT và DTVT
83	Nguyễn Thị Dê	19/12/1976	GV	THS	Kỹ thuật Điện tử - Vi điện tử		X	DDT và DTVT
84	Phan Xuân Dũng	10/10/1974	GV	THS	Điện khí hóa và Cung cấp điện		X	DDT và DTVT

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỎI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
85	Nguyễn Hùng	01/05/1974	GV	THS	Kỹ thuật Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
86	Lê Xuân Kỳ	16/12/1972	GV	THS	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
87	Nguyễn Văn Lào	16/08/1976	GV	THS	Điện khí hóa và Cung cấp điện		X	DDT và DTVT
88	Trần Văn Lợi	30/05/1976	GV	THS	Kỹ thuật Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
89	Võ Văn Nguyên	02/04/1985	GV	THS	Kỹ thuật Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
90	Dương Hồng Phước	11/03/1984	GV	THS	Tự động hóa		X	DDT và DTVT
91	Nguyễn Đình Sơn	15/01/1983	GV	THS	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
92	Trần Thị Thu Thảo	14/04/1979	GV	THS	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
93	Nguyễn Vũ Thùy	04/10/1976	GV	THS	Vật lý		X	DDT và DTVT
94	Nguyễn Thị Minh Thy	28/02/1983	GV	THS	Điện tử - Viễn thông		X	DDT và DTVT
95	Ngô Văn Tấn	1947	TG	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
96	Nguyễn Ngọc Diên	1946	GVC	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
97	Lê Đức Hiện	06/06/1949	TG	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
98	Nguyễn Quốc Bình	19/11/1976	GV	DH	Điện tử - Viễn thông		X	DDT và DTVT
99	Nguyễn Thị Quỳnh Dư	22/08/1979	GV	DH	Điện tử - Viễn thông		X	DDT và DTVT
100	Hoàng Xuân Dương	31/07/1974	GV	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
101	Nguyễn Bá Lập	30/10/1960	GV	DH	Điện tử		X	DDT và DTVT
102	Đào Duy Liêm	07/03/1979	GV	DH	Điện tử - Viễn thông		X	DDT và DTVT
103	Đình Đỗ Quang	07/04/1980	GV	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
104	Trần Thị Huyền Trang	23/05/1981	GV	DH	Kỹ thuật Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
105	Huỳnh Thanh Tú	11/08/1981	GV	DH	Điện tử - Viễn thông		X	DDT và DTVT

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
106	Trần Lê Quốc Việt	09/11/1981	GV	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
107	Nguyễn Hữu Thắng	25/04/1984	TG	DH	Kỹ thuật công nghiệp		X	DDT và DTVT
108	Phan Ngọc Trương	10/10/1983	TG	DH	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
109	Tổng Hồ Phú Thuận	11/03/1981	TG	DH	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
110	Đặng Thanh Phương	19/02/1980	TG	DH	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
111	Văn Phú Thành	26/07/1986	TG	DH	Điện tử viễn thông		X	DDT và DTVT
112	Võ Quốc Kha	10/08/1989	TG	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
113	Đoàn Quốc Vũ	22/08/1983	TG	DH	Điện kỹ thuật		X	DDT và DTVT
114	Phạm Đình Cường	10/08/1980	TG	DH	Điện - Điện tử		X	DDT và DTVT
115	Huỳnh Xuân Đình	1933	PGS	TS	Kỹ thuật công trình xây dựng, thủy lợi		X	KTCTXD
116	Đỗ Đào Hải	03/11/1940	GVC	TS	Kết cấu và vật liệu xây dựng		X	KTCTXD
117	Nguyễn Huy Gia	07/10/1977	GV	TS	Xây dựng dân dụng		X	KTCTXD
118	Phan Thiệu Huy	06/11/1981	GV	TS	Xây dựng		X	KTCTXD
119	Phan Đức Huỳnh	17/02/1978	GV	TS	Cơ khí		X	KTCTXD
120	Tạ Minh Nghị	02/04/1976	GV	TS	Xây dựng dân dụng & Công nghiệp		X	KTCTXD
121	Nguyễn An Ninh	30/12/1965	GV	TS	Xây dựng Thủy lợi và Thủy điện		X	KTCTXD
122	Phạm Quốc Lâm	26/05/1978	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
123	Trần Tấn Quốc	09/07/1953	GVC	THS	Kỹ thuật		X	KTCTXD
124	Trương Đình Thảo Anh	13/10/1979	GV	THS	Kỹ thuật xây dựng		X	KTCTXD
125	Nguyễn Tuấn Anh	28/04/1977	GV	THS	Kiến trúc công trình		X	KTCTXD
126	Hồ Anh Bình	22/09/1985	GV	THS	Xây dựng địa chính		X	KTCTXD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
127	Nguyễn Duy Cường	13/07/1981	GV	THS	Kỹ thuật xây dựng		X	KTCTXD
128	Ngô Thanh Đức	01/08/1969	GV	THS	Xây dựng		X	KTCTXD
129	Ngô Hồng Đức	20/08/1979	GV	THS	Kỹ thuật xây dựng		X	KTCTXD
130	Phạm Trường Giang	27/08/1976	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
131	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/07/1973	GV	THS	Ngôn ngữ học so sánh		X	KTCTXD
132	Tạ Trung Hậu	28/04/1977	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
133	Nguyễn Công Huân	08/04/1985	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
134	Hà Công Huy	27/01/1978	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
135	Nguyễn Quang Huy	08/01/1979	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
136	Huỳnh Văn Khanh	10/10/1978	GV	THS	Kỹ thuật xây dựng		X	KTCTXD
137	Trần Minh Khoa	03/09/1984	GV	THS	Xây dựng		X	KTCTXD
138	Trần Công Lai	14/08/1978	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
139	Phan Lữ Trí Minh	04/02/1982	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
140	Nguyễn Trần Bích Ngọc	18/06/1985	GV	THS	Xây dựng dân dụng & Công nghiệp		X	KTCTXD
141	Phạm Thị Minh Thoa	10/08/1984	GV	THS	Kiến trúc công trình		X	KTCTXD
142	Đoàn Thị Anh Thủy	20/10/1975	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
143	Tạ Thùy Trang	26/03/1985	GV	THS	Xây dựng		X	KTCTXD
144	Trần Anh Trung	16/04/1978	GV	THS	Kỹ thuật xây dựng		X	KTCTXD
145	Lê Đức Tuấn	13/10/1978	GV	THS	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
146	Huỳnh Thanh Vũ	11/08/1984	GV	THS	Xây dựng		X	KTCTXD
147	Châu Minh Hiếu	08/08/1978	GV	DH	Kỹ thuật Xây dựng		X	KTCTXD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỐI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
148	Đỗ Phương Chi	22/01/1986	TG	DH	Kỹ thuật công trình		X	KTCTXD
149	Lê Anh Bi	13/09/1988	TG	DH	Kỹ thuật công trình Xây dựng		X	KTCTXD
150	Lê Hoàng Sinh	23/07/1956	GV	TS	Thiết kế, kiến trúc		X	TKCN (MTCN)
151	Huỳnh Phạm Ngọc Lâm	03/02/1981	GV	THS	Mỹ nghệ		X	TKCN (MTCN)
152	Phan Thành Long	29/02/1984	GV	THS	Kiến trúc		X	TKCN (MTCN)
153	Nguyễn Thị Huỳnh Nguyên	20/12/1982	GV	THS	Thiết kế thời trang		X	TKCN (MTCN)
154	Nguyễn Hằng Nguyệt	12/08/1977	GV	THS	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp		X	TKCN (MTCN)
155	Nguyễn Việt Tân	30/04/1973	GV	THS	Hội họa		X	TKCN (MTCN)
156	Đinh Thị Thanh Trúc	02/08/1978	GV	THS	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật		X	TKCN (MTCN)
157	Huỳnh Hoa Hồng Tú	02/11/1980	GV	THS	Văn học (Văn học nước ngoài)	X	X	TKCN (MTCN)
158	Lê Nguyễn Quỳnh Chi	19/08/1984	GV	DH	Trang trí nội thất		X	TKCN (MTCN)
159	Lê Ngô Quỳnh Đan	05/08/1983	GV	DH	Tạo dáng công nghiệp		X	TKCN (MTCN)
160	Phùng Bá Đông	15/01/1981	GV	DH	Trang trí nội thất		X	TKCN (MTCN)
161	Trịnh Duy Đông	23/10/1986	GV	DH	Tin học		X	TKCN (MTCN)
162	Hoàng Hương Giang	30/08/1987	GV	DH	Đồ họa		X	TKCN (MTCN)
163	Tô Thị Hải	09/08/1982	GV	DH	Mỹ thuật Công nghiệp		X	TKCN (MTCN)
164	Trần Thị Thủy Hằng	17/10/1984	GV	DH	Mỹ thuật công nghiệp		X	TKCN (MTCN)
165	Võ Thanh Hoàng	29/12/1950	GVC	DH	Hội họa		X	TKCN (MTCN)
166	Trần Xuân Hưng	19/07/1980	GV	DH	Điều khắc		X	TKCN (MTCN)
167	Châu Thị Mỹ Khánh	02/09/1983	GV	DH	Thiết kế thời trang		X	TKCN (MTCN)
168	Huỳnh Minh Khánh	02/09/1970	GV	DH	Đồ họa		X	TKCN (MTCN)



**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỎI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
169	Nguyễn Ly	01/03/1984	GV	DH	Đồ họa		X	TKCN (MTCN)
170	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	14/01/1983	GV	DH	Trang trí nội thất		X	TKCN (MTCN)
171	Mai Chi Mai	19/12/1984	GV	DH	Trang trí nội thất		X	TKCN (MTCN)
172	Nguyễn Thụy Bích Ngọc	25/01/1983	GV	DH	Thiết kế đồ họa		X	TKCN (MTCN)
173	Phạm Nguyễn Hoàng Thiên Toàn	15/04/1981	GV	DH	Thời trang		X	TKCN (MTCN)
174	Lê Hoàng Uyên	30/05/1985	GV	DH	Đồ họa		X	TKCN (MTCN)
175	Nguyễn Thị Kim Vân	17/10/1974	GV	DH	Mỹ thuật công nghiệp đồ họa		X	TKCN (MTCN)
176	Trần Hồi Sinh	20/10/1946	GVC	TS	Kinh tế		X	QTKD
177	Cao Hào Thi	25/09/1959	GVC	TS	Quản trị kinh doanh quốc tế		X	QTKD
178	Trần Ngọc Lân	25/01/1947	GVC	TS	Toán, Thống kê trong kinh doanh	X	X	QTKD
179	Từ Phú Hưng	17/10/1971	GV	TS	Kỹ thuật công trình, TS. Quản trị Kinh doanh		X	QTKD
180	Tôn Thất Hoàng Hải	27/08/1968	GV	TS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
181	Lê Văn Phi	14/10/1948	PGS	TS	Toán ứng dụng	X	X	QTKD
182	Nguyễn Văn Trãi	1958	GVC	TS	Kinh tế học		X	QTKD
183	Dương Thị Mai Hà Trâm	20/07/1956	GVC	TS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
184	Lê Thị Thanh	12/10/1955	GV	TS	Sư phạm anh văn, English in Business		X	QTKD
185	Nguyễn Quang Tuyển	1943	GV	THS	Quản trị Kinh doanh		X	QTKD
186	Lê Thị Ngọc Phượng	14/07/1973	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
187	Dương Quang Mỹ	11/03/1959	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
188	Hoàng Thị Thu Nguyệt	14/11/1978	GV	THS	Tin học, Quản lý		X	QTKD
189	Nguyễn Thành Trung	30/03/1961	GV	THS	Khoa học nông nghiệp, Quản lý		X	QTKD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỐI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
190	Ngô Thị Thu Thủy	10/11/1971	GV	THS	Tài chính - Tín dụng		X	QTKD
191	Hoàng Ngọc Khải	30/08/1957	GV	THS	Quản lí giáo dục		X	QTKD
192	Mai Nhật Minh Anh	06/06/1987	GV	THS	Kế toán tài chính		X	QTKD
193	Vũ Trần Anh	25/09/1984	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
194	Hà Xuân Cảnh	01/06/1954	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
195	Phạm Vũ Định	26/07/1950	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
196	Nguyễn Minh Cao Hoàng	02/07/1983	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
197	Nguyễn Thiện Hùng	20/10/1976	GV	THS	Quản lý Công nghiệp		X	QTKD
198	Huỳnh Thị Kim Liên	17/09/1960	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
199	Vũ Tiến Long	23/10/1978	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
200	Hà Ngọc Minh	12/05/1971	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
201	Nguyễn Thị Hồng Minh	17/04/1972	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
202	Mai Xuân Nhật Minh	18/02/1983	GV	THS	Quản trị kinh doanh (nhân sự)		X	QTKD
203	Hà Thị Phương Minh	01/05/1967	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
204	Trần Kim Ngọc	26/11/1969	GV	THS	Kinh tế phát triển		X	QTKD
205	Phan Hà Thanh Nhã	22/06/1979	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
206	Phạm Hoàng Nhân	21/11/1982	GV	THS	Kinh tế học		X	QTKD
207	Phạm Thiên Phú	19/05/1981	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
208	Nguyễn Vũ Quân	01/01/1984	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
209	Phạm Ngọc Quý	20/12/1975	GV	THS	Kinh tế		X	QTKD
210	Lê Hữu Yên Thanh	24/12/1986	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỎI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
211	Nguyễn Thị Hồng Thủy	24/11/1982	GV	THS	Kinh tế		X	QTKD
212	Mai Thị Thu Trang	11/08/1988	GV	THS	Marketing and Brand Management		X	QTKD
213	Lưu Thiên Tú	05/11/1981	GV	THS	Kinh doanh và Quản lý		X	QTKD
214	Tạ Kiến Tường	22/06/1975	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
215	Nguyễn Ngọc Văn Uyên	29/09/1975	GV	THS	Kinh tế		X	QTKD
216	Đỗ Thị Cẩm Vân	05/08/1982	GV	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
217	Trịnh Ngọc An	01/01/1962	GV	THS	Toán, Thống kê trong kinh doanh	X	X	QTKD
218	Nguyễn Thị Như Diệp	12/09/1976	GV	THS	Giảng dạy Tiếng Anh, English in Business	X	X	QTKD
219	Mai Thị Hoàng Yến	09/03/1976	GV	THS	kinh tế phát triển		X	QTKD
220	Bùi Thị Ngọc Lan	01/04/1958	GV	THS	Anh văn	X	X	QTKD
221	Đinh Trọng Kháng	31/01/1941	GV	THS	Anh văn	X	X	QTKD
222	Nguyễn Đồng Huy	02/12/1980	GV	THS	Anh văn	X	X	QTKD
223	Nguyễn Đăng Hà	21/06/1975	TG	THS	Thư viện - Thông tin học, Ngôn ngữ Anh		X	QTKD
224	Nguyễn Thị Duy Hạnh	20/11/1977	TG	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
225	Phan Thị Hồng Mận	02/07/1986	TG	THS	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
226	Huỳnh Kim Quy	14/08/1961	TG	THS	Quản lý giáo dục		X	QTKD
227	Lê Thị Phương Hằng	18/04/1982	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
228	Huỳnh Công Dương	23/05/1973	GV	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
229	Trần Phước Huy	01/11/1966	GV	DH	Sư phạm Toán học	X	X	QTKD
230	Lê Thanh Sang	17/11/1982	GV	DH	Tin học		X	QTKD
231	Huỳnh Thị Lệ Thu	27/06/1960	GV	DH	Kế toán nông nghiệp		X	QTKD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỎI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
232	Lê Trọng Tín	01/07/1972	GV	DH	Kế toán		X	QTKD
233	Bùi Thị Doanh	17/02/1973	TG	DH	Thống kê		X	QTKD
234	Tạ Phan Hoài An	24/11/1981	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
235	Hoàng Xuân Phương	07/10/1972	TG	DH	Luật học		X	QTKD
236	Nguyễn Thị Lệ Thị	01/07/1982	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
237	Trần Thụy Anh	29/11/1959	TG	DH	Kinh tế chính trị	X	X	QTKD
238	Nguyễn Thị Kiều Oanh	20/12/1986	TG	DH	Kinh tế học		X	QTKD
239	Lê Minh Tài	15/08/1989	TG	DH	Luật học		X	QTKD
240	Trần Thị Mỹ Vân	27/09/1988	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
241	Phạm Bá Linh	04/12/1961	TG	DH	Thống kê nông nghiệp		X	QTKD
242	Nguyễn Xuân Trúc	12/12/1946	TG	DH	Luật		X	QTKD
243	Dương Huỳnh Thanh Xuân	12/11/1984	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
244	Huỳnh Vương Quang Hiến	29/11/1981	TG	DH	Anh văn	X	X	QTKD
245	Vòng Như Hòa	10/12/1985	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
246	Hồ Thị Lệ	22/09/1983	TG	DH	Anh văn	X	X	QTKD
247	Võ Thị Mỹ Lệ	26/05/1971	TG	DH	Anh văn	X	X	QTKD
248	Chung Văn Lý	27/05/1959	GV	DH	Anh văn	X	X	QTKD
249	Nguyễn Thị Thủy Mai	20/10/1987	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
250	Nguyễn Đình Thảo Nguyên	29/12/1987	TG	DH	Quản trị kinh doanh quốc tế		X	QTKD
251	Đinh Trúc Phương	24/09/1990	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
252	Phạm Thị Cẩm Tú	28/01/1989	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHỎI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
253	Võ Thị Thanh Tuyền	06/01/1988	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
254	Huỳnh Đào Ngọc Duyên	12/03/1987	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
255	Hồ Thị Thanh Tuyền	10/04/1987	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
256	Lê Thị Sơn Ca	1985	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
257	Trương Mỹ Châu	25/10/1979	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
258	Lê Kiều Xuân Hiệp	04/09/1986	TG	DH	Kế toán		X	QTKD
259	Lâm Thị Bạch Lan	04/05/1954	TG	DH	Vật giá		X	QTKD
260	Nguyễn Thị Trúc Phương	10/05/1989	GV	THS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	X	X	QTKD
261	Nguyễn Thị Thu Thủy	07/07/1965	TG	DH	Tài chính thương nghiệp		X	QTKD
262	Đỗ Thị Bích Hạnh	19/12/1970	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
263	Nguyễn Nguyễn ý Thy	26/07/1982	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
264	Võ Thị Như Thủy	11/05/1988	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
265	Tôn Nữ Hoàng Thảo	21/10/1984	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
266	Hồ Lê Mai Uyên	17/03/1990	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
267	Nguyễn Ngọc Xuyên	10/12/1983	TG	DH	Quản trị kinh doanh		X	QTKD
268	Thái Khắc Trung	08/04/1982	TG	DH	Kinh tế		X	QTKD
269	Phan Thị Bích Trâm	14/08/1981	GV	THS	Triết học	X		Chung
270	Phan Thị Mỹ Trang	13/10/1985	GV	THS	Ngữ văn Anh	X		Chung
271	Hà Minh Tuấn	25/10/1986	GV	THS	Đại số và lý thuyết số	X		Chung
272	Lê Nguyễn Đại	25/10/1949	TG	DH	Ngữ văn	X		Chung
273	Lương Tuấn Phương	14/07/1978	GV	DH	Thể dục thể thao	X		Chung

**Phụ lục 4.2: DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA CÔNG TÁC GIẢNG DẠY THÁNG 10/2014**

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	HH	HV	CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO	GIẢNG DẠY KHÔI		NGÀNH ĐÀO TẠO
						Đại cương	Chuyên nghiệp	
274	Huỳnh Anh Tấn	25/05/1980	GV	DH	Vật lý	X		Chung
275	Từ Đặng Quốc Thái	29/11/1990	GV	DH	Vật lý	X		Chung
276	Trương Văn Tú	14/06/1990	GV	DH	Giáo dục thể chất	X		Chung
277	Trương Thị Huệ	26/06/1979	TG	DH	Biên phiên dịch	X		Chung
278	Nguyễn Hữu Thiện	20/03/1953	TG	DH	Ngữ văn	X		Chung
279	Võ Thành Thuyền	17/06/1950	TG	DH	Huấn luyện GSTH, Sư phạm	X		Chung
280	Nguyễn Cao Tuyển	17/07/1947	TG	DH	Luật		X	Chung
281	Trương Thị Mỹ Dung	16/07/1991	TG	DH	Thư viện - Thông tin	X		Chung
282	Trịnh Thị Tấu Thư	27/10/1979	TG	DH	Tiếng Anh	X		Chung

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014.

HIỆU TRƯỞNG



QS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG